

Bản án số: **20/2022/HS-ST**

Ngày: 30 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Phạm Minh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 08 năm 2022 đối với:

Bị cáo **Trần Văn V.** Tên gọi khác: không. Sinh ngày 03/8/1988 tại huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Cadong; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức L (đã chết) và bà Lê Thị H (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Kim T và 02 người con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Linh Dương – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Đinh Văn L. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Hồ Thanh H, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 04, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian cuối năm 2019, bị cáo Trần Văn V có ý định làm nhà bằng gỗ nên đã vào rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc khoảnh 09 và 10 của tiểu khu 821 thuộc thôn 04, xã T, huyện B để khai thác gỗ. Bị cáo mượn cưa máy của ông Hồ Thanh Hải để cưa xẻ gỗ. Sau đó, bị cáo mang theo cưa máy, xăng, nhớt và một số dụng cụ cần thiết đi bộ vào rừng, đến vị trí cây Bời lời giấy, nhóm V (cây số 01) có tọa độ X: 548129, Y: 1683134 và dùng cưa máy cưa cây ngã xuống. Do thấy gốc cây bị bông nên bị cáo chừa đoạn sát gốc dài 3,6m rồi tiến hành cưa cây gỗ thành 03 lóng có chiều dài lần lượt là 2,5m; 2,7m và 2,8m. Còn lại đoạn gỗ đến ngọn dài 6,8m thì bị cáo không lấy. Bị cáo cưa xẻ thành cột nhà, xuyên, trính, kèo, đòn tay, rui, mè... liên tiếp trong khoảng 10 ngày thì làm xong. Sau khi trừ khối lượng gỗ bị bông hỏng, cây gỗ này có khối lượng gỗ bị thiệt hại là 05,572 m³.

Sau khi cưa xẻ xong cây số 01, bị cáo thấy còn thiếu đà và đòn tay nên tiếp tục đi tìm cây gỗ khác để khai thác. Bị cáo tìm được cây số 02 (không xác định được chủng loại), có tọa độ X: 548154, Y: 1683135 và cưa hạ cây ngã xuống, dút cây thành 03 đoạn gỗ có chiều dài lần lượt là 2,2m; 2,2m và 11,2m (dài đến ngọn). Bị cáo tiến hành cưa xẻ 02 đoạn gỗ dài 2,2m thành đà và đòn tay. Sau khi đủ gỗ làm đà và đòn tay thì không khai thác cây này nữa. Cây gỗ này có khối lượng gỗ bị thiệt hại là 03,714m³.

Tiếp đến, bị cáo tìm được cây Xoan Mộc, nhóm VI (cây số 03) có tọa độ X: 547912, Y: 1683067 đã bị cưa ngã từ trước, còn nguyên vẹn (không xác định được thời gian bị hạ). Bị cáo tiến hành cưa thân cây thành nhiều đoạn và loại bỏ các phần bị bông. Sau khi cắt bỏ xong hết những đoạn gỗ bị bông thì bị cáo bắt đầu dùng thước đo và cắt thành hai đoạn gỗ dài lần lượt là 2,5m và 2,53m. Bị cáo xẻ hai đoạn này đủ 70 mươi tám ván thì không xẻ nữa. Sau khi trừ khối lượng gỗ bị bông hỏng, cây gỗ này có khối lượng gỗ bị thiệt hại là 06,326m³.

Sau khi cưa xẻ đủ gỗ, ván làm nhà thì bị cáo dùng trâu vận chuyển những đoạn gỗ to, còn những đoạn gỗ nhỏ, nhẹ thì bị cáo tự mang về nhiều lần. Toàn bộ số gỗ mang về, bị cáo sử dụng làm nhà ở tại thôn 04, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/01/2021 xác định vị trí các cây gỗ bị cưa hạ thuộc khoảnh 09 và 10 tiểu khu 821 tại thôn 04, xã T, huyện B, là rừng tự nhiên. Khối lượng gỗ bị thiệt hại bao gồm: cây Bời lời giấy (cây số 01), nhóm V, khối lượng gỗ bị thiệt hại (sau khi trừ bông) là 05,572 m³; cây số 02 (không xác định được chủng loại), khối lượng gỗ bị thiệt hại (sau khi trừ bông) là 06,326m³; cây Xoan Mộc (cây số 03), nhóm VI, khối lượng gỗ thiệt hại (sau khi trừ bông) là 06,326m³. Tổng khối lượng bị thiệt hại của 03 cây gỗ (sau khi trừ bông) là 15,612m³ (trong đó số gỗ còn lại tại hiện trường là 9,038m³).

Tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về quy hoạch ba loại rừng giai đoạn 2011-2020 xác định các cây gỗ bị khai thác thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B quản lý.

Tại kết luận định giá số 111/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Quảng Nam kết luận: 15,612 m³ gỗ bị khai thác có giá trị là 38.104.000 đồng (trong đó số gỗ còn lại tại hiện trường 9,038m³ có giá trị là 21.578.000 đồng).

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-BTM ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn V mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 584 và 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 điều 91 Luật Lâm nghiệp 2017, buộc bị cáo Trần Văn V có trách nhiệm phải bồi thường giá trị thiệt hại về lâm sản của các cây gỗ bị khai thác, sau khi trừ đi giá trị gỗ còn tại hiện trường là 16.526.000 đồng. Đối với việc định giá giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường theo Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện còn nhiều vướng mắc nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B trả lời là không thể định giá được nên không có cơ sở buộc bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B 9,038m³ gỗ còn lại tại hiện trường.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là vì muốn có gỗ để làm nhà. Hơn nữa, hành vi của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc hộ nghèo của địa phương, sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Tại phiên tòa, bị cáo đã xin tự nguyện bồi thường số tiền bị thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình. Bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ cho bị cáo.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội đã gây ra. Bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng thời gian cuối năm 2019, bị cáo Trần Văn V đã vào khu vực rừng thuộc khoảnh 9 và 10, tiểu khu 821 tại thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam trực tiếp khai thác trái phép 03 cây gỗ thuộc loài thực vật thông thường gồm:

01 cây Bời Lời Giấy, 01 cây Xoan Mộc và 01 cây không xác định được chủng loại, có tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 15,612 m³, thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam đang quản lý, bảo vệ (chủ rừng).

Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập.

Như vậy, bản cáo trạng số 13/CT-VKS-BTM ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn V đã phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Rừng sản xuất là rừng tự nhiên giữ một vai trò rất quan trọng đối với hệ sinh thái môi trường và đời sống con người. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi khai thác rừng dưới mọi hình thức khi chưa được sự cấp phép của cơ quan có thẩm quyền. Bị cáo Trần Văn V là người trực tiếp phát hiện ra cây gỗ, tiến hành dùng cưa máy để đốn hạ, xẻ thành cột nhà, xuyên, trính, kèo, đòn tay, rui, mè, ván,.. rồi dùng trâu để kéo gỗ về làm nhà. Bị cáo nhận thức rõ được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có gỗ để làm nhà nên đã tiến hành khai thác gỗ trái phép, hành vi của bị cáo không những thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh tại địa phương mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo Trần Văn V không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo của địa phương, nhận thức pháp luật còn hạn chế, là lao động chính trong gia đình, cha bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo, không có tài sản và không có thu nhập ổn định, là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị Kim Thủy, là vợ của bị cáo V nhưng chị Thủy không tham gia vào quá trình khai thác gỗ, không biết nguồn gốc của 03 cây gỗ bị khai thác nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với ông Trần Đức Luận, theo lời khai của bị cáo Trần Văn V thì ông Luận là người đã khai thác cây gỗ Xoan Mộc từ 10 năm trước nhưng hiện nay ông Luận đã chết (chết ngày 16/8/2013) nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với ông Hồ Thanh Hải là người đã cho bị cáo mượn cưa máy nhưng ông Hải không biết bị cáo khai thác gỗ trái phép nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra xác định số gỗ bị thiệt hại là 16.526.000 đồng và nguyên đơn dân sự có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất bồi thường toàn bộ số tiền trên. Xét thấy, sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo là phù hợp với quy định tại các điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra đã thu giữ 9,038m³ gỗ còn lại tại hiện trường, hiện giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử trả lại cho chủ quản lý hợp pháp là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, theo quy định tại điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[8] Về án phí: bị cáo Trần Văn V là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo năm 2022 và có đơn xin miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa, bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt Trần Văn V 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với nguyên đơn dân sự, cụ thể: bị cáo Trần Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam số tiền là 16.526.000 đồng (Mười sáu

triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam số gỗ còn lại tại hiện trường là 9,038 m³.

(Vật chứng trên hiện đang được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B quản lý theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B).

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn V.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Tài Nguyễn Văn Nghĩa

Lê Thanh Hải

